

**KẾ HOẠCH**  
**Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2024**

**HỎA TỐC**

**PHẦN I**  
**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023**

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành báo cáo số 121/BC-UBND ngày 05/12/2023 về kết quả nhiệm vụ chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2023 gửi Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định (gửi kèm báo cáo số 121/BC-UBND).

**PHẦN II**  
**NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2024**

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về

Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ văn bản số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh.

## II. MỤC TIÊU

Tập trung chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; tạo điều kiện, nền tảng tăng tốc chuyển đổi số thành phố trong giai đoạn mới, cụ thể:

### 1. Phát triển Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- 80% hồ sơ công việc tại các cơ quan thành phố; 70% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 50% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 90% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định. Cơ quan nhà nước thành phố có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

### 2. Phát triển Kinh tế số

- Phân đầu Kinh tế số chiếm 30% GRDP.

### 3. Phát triển Xã hội số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 90% hộ gia đình, 100% xã,

phường, thị trấn.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G;

- Phần đầu phổ cập điện thoại di động thông minh, tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%, cung cấp danh tính số trên nền tảng di động cho tối thiểu 35% người dân sống và làm việc trên địa bàn thành phố Hải phòng.

### III. NHIỆM VỤ

#### 1. Nhận thức số

##### 1.1. Ngày Chuyển đổi số

Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024; hưởng ứng và phổ biến Tháng 10 - Tháng tiêu dùng số.

Kế hoạch triển khai bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tuyệt đối không phô trương, hình thức, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân thành phố.

##### 1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp cùng sở, ngành, quận, huyện chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân ở chính trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

#### 2. Thể chế số

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin và truyền thông, doanh nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh tế chia sẻ, môi trường thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới... để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng.

- Các cơ quan, địa phương rà soát, đề xuất, kiến nghị đối với các cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đối với các công trình hạ tầng viễn thông; các quy định bố trí đất công xây dựng công trình hạ tầng viễn thông.

- Nghiên cứu, đánh giá, phân tích cơ chế chính sách, kinh nghiệm, cách làm hay trong thực hiện Chuyển đổi số ở các cơ quan, đơn vị khác để có thể vận dụng phù hợp với điều kiện của đơn vị mình.

- Xây dựng bộ tiêu chí để đánh giá mức độ Chuyển đổi số các đơn vị, địa phương theo bộ tiêu chí DTI do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- Xây dựng tiêu chí chuyển đổi số trở thành một trong các chỉ số thành phần đánh giá các chỉ số Par Index, SIPAS, DGI đối với các sở, ngành, địa phương.

- Thực hiện, triển khai các phương pháp thống kê và các số liệu chỉ tiêu phù hợp với thay đổi trong môi trường số; thống kê các chỉ số liên quan đến môi trường số như năng suất lao động, tăng trưởng kinh tế số, số lượng doanh nghiệp số...

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ thống kê các chỉ tiêu về chuyển đổi số, gồm năng suất lao động, đóng góp GRDP, số lượng doanh nghiệp số...

### 3. Hạ tầng số

- Tiếp tục Phát triển hạ tầng viễn thông xóa các vùng, khu vực lõm sóng băng thông rộng trên địa bàn thành phố, phát triển hạ tầng mạng 5G tại các một số khu đô thị trung tâm. Triển khai các giải pháp để phủ cáp điện thoại di động thông minh trên địa bàn.

- Nâng cấp, mở rộng mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước.

- Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu thành phố trên nền tảng điện toán đám mây phục vụ chính quyền số.

### 4. Dữ liệu số

- Khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thành phố Hải Phòng, kết nối chia sẻ dùng chung trong các cơ quan nhà nước.

- Xây dựng, triển khai Kho dữ liệu dùng chung đảm bảo cho phép thu thập, tổng hợp, chuẩn hóa, làm sạch và phân tích, xử lý dữ liệu từ các nguồn dữ liệu của thành phố và ngoài thành phố.

- Xây dựng Cổng dữ liệu mở, tạo lập và cung cấp/công bố dữ liệu mở của thành phố qua Cổng dữ liệu mở để các cơ quan nhà nước, công dân, doanh nghiệp có thể truy cập, khai thác, sử dụng khi cần thiết theo quyền hạn (ưu tiên Cơ sở dữ liệu đất đai; Cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức; Cơ sở dữ liệu quản lý các sáng kiến, đề tài, nhiệm vụ khoa học; Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, doanh nghiệp khoa học công nghệ...); định hướng cung cấp cho người dân và doanh nghiệp kịp thời theo phương thức một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu đến Cổng dữ liệu mở quốc gia.

- Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành, tích hợp vào kho dữ liệu dùng chung, cổng dữ liệu mở thành phố, cung cấp dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp.

### 5. Nền tảng số

- Triển khai Trung tâm tích hợp dữ liệu thành phố trên nền tảng điện toán đám mây phục vụ chính quyền số.

- Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ thành phố (LGSP), bảo đảm kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Triển khai các nền tảng học trực tuyến do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp.

### 6. Nhân lực số

- Tổ chức khóa đào tạo kỹ năng số cho 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong hệ thống chính trị của cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng chương trình đào tạo về chuyển đổi số để giáo viên và học sinh có các kỹ năng số trong đó, phấn đấu 100% đội ngũ cán bộ quản lý, giảng dạy từ bậc tiểu học trở lên được đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, có kỹ năng số để trở thành lực lượng nòng cốt góp phần hình thành công dân số.

- Tiếp tục phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức tập huấn cho toàn thể công chức, viên chức thành phố trên nền tảng học trực tuyến.

## **7. An toàn thông tin mạng**

### **7.1. Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ**

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp cùng sở, ngành, quận, huyện hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành.

### **7.2. Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng**

Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

### **7.3. Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng**

- Triển khai và đưa vào vận hành Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng, Hệ thống phòng chống mã độc tập trung thành phố.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

### **7.4. Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin**

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng thành phố. Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2024.

- Giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng.

## 8. Chính quyền số

**8.1.** Phát triển, nâng cấp hạ tầng mạng LAN, WAN, mạng Internet của các cơ quan, kết nối mạng TSLCD, bảo đảm vận hành ổn định, hiệu quả, có tính dự phòng và sẵn sàng cao không bị gián đoạn kết nối và được kiểm soát đến từng nút mạng. Chuyển đổi Ipv6 trong cơ quan nhà nước thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025, tập trung chuyển đổi mạng lõi của Trung tâm tích hợp dữ liệu thành phố và hệ thống Chính quyền điện tử. Nâng cấp thiết bị CNTT, cơ sở vật chất tại các cơ quan, đơn vị từ cấp thành phố đến cấp xã và đảm bảo các trang thiết bị đầu cuối (máy tính, máy in...) đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Duy trì, nâng cấp hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên cơ sở bảo đảm cho phép sử dụng trên môi trường web, có khả năng kết nối với hệ thống họp không giấy tờ.

**8.2.** Cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ thông minh, tiện ích phục vụ người dân và doanh nghiệp: Triển khai Kho lưu trữ dữ liệu điện tử về tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước; Hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC (nâng cấp đường truyền, bổ sung các thiết bị CNTT, ngoại vi, thiết bị quét mã vạch tích hợp với hệ thống phần mềm một cửa điện tử...).

**8.3.** Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị toàn thành phố: Phát triển hệ thống thư điện tử, quản lý văn bản điều hành và tác nghiệp của các cơ quan khối đảng, chính quyền đảm bảo chuẩn hóa, điện tử hóa các quy trình xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; Phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo để bảo đảm 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội, báo cáo ngành, lĩnh vực từ cấp xã đến cấp thành phố phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của thành phố.

**8.4.** Số hóa và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan đảng, mặt trận tổ quốc, tổ chức đoàn thể và các cấp chính quyền: Số hóa kết quả thủ tục hành chính còn hiệu lực; Số hóa toàn bộ các văn bản chỉ đạo điều hành, quản lý, lưu trữ, hồ sơ của các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức, đoàn thể từ năm 2010 trở lại đây.

**8.5.** Triển khai Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) thành phố Hải Phòng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của thành phố.

## 9. Kinh tế số

**9.1. Phát triển ngành công nghiệp ICT và các doanh nghiệp công nghệ số:** Xây dựng cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp và các khu công nghiệp tích

hợp công nghệ hiện đại vào các lĩnh vực công nghiệp có ảnh hưởng lớn để cải thiện năng suất trên quy mô lớn và khai mở các giá trị kinh tế chưa thực hiện được trước đây. Chú trọng đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số trong sản xuất công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến chế tạo. Xây dựng, triển khai hệ thống quản lý thông minh trong các KCN, KKT.

**9.2. Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp:** Khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp kiến tạo và sử dụng giải pháp số (khuyến khích các doanh nghiệp CNTT trên địa bàn thành phố phát triển các ứng dụng, giải pháp số). Hỗ trợ các doanh nghiệp trong phát triển, hợp tác về TMĐT (Tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp TMĐT (online) với doanh nghiệp phân phối truyền thống (offline), nhà sản xuất; Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số.

### **9.3. Định hướng chuyển đổi số một số ngành kinh tế chính của thành phố:**

- Khuyến khích các doanh nghiệp số hỗ trợ, thúc đẩy sử dụng ứng dụng công nghệ số trong ngành điện. Thu hút đầu tư các dự án năng lượng sử dụng công nghệ 4.0, công nghệ sạch, công nghệ cao tập trung vào công nghiệp điện khí. Xây dựng, triển khai hệ thống quản lý, điều hành thông minh trong lĩnh vực năng lượng.

- Xây dựng và thực thi các cơ chế, chính sách ưu đãi chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp; hỗ trợ và thúc đẩy các cơ sở sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất và các kỹ thuật canh tác nông nghiệp; Quảng bá, tuyên truyền các sản phẩm nông nghiệp trên các sàn thương mại điện tử.

- Tiếp tục xây dựng hệ thống thông tin quản lý giao thông thông minh trên nền tảng số, kết nối, tích hợp trung tâm giám sát, điều hành thông minh của thành phố; số hóa hạ tầng giao thông đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu. Xây dựng, triển khai Cổng thông tin giao thông trực tuyến tích hợp với sàn giao dịch điện tử phục vụ doanh nghiệp, người dân và du khách.

- Tiếp tục xây dựng hệ thống thông tin quản lý về cảng biển, hậu cần cảng biển, kinh tế biển và dịch vụ logistic, đưa các hoạt động kinh tế xuất nhập khẩu tại cửa khẩu cảng biển lên môi trường số kết nối với hệ thống logistic để hỗ trợ liên kết vùng trong đó sử dụng liên kết số toàn diện thông qua Digital ID, QRCode;

- Vận hành Cổng thông tin du lịch thông minh cho du khách trên địa bàn thành phố.

9.4. Phát triển kinh tế số với 04 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

## **10. Xã hội số**

**10.1. Chuyển đổi số trong Y tế,** chăm sóc sức khỏe, phát triển mô hình bệnh viện thông minh, triển khai bệnh án điện tử, số theo dõi sức khỏe điện tử...

**10.2. Chuyển đổi số trong Giáo dục và Đào tạo:** Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, phát triển giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng số, giáo dục đổi mới sáng tạo, tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, nhất là người dân ở vùng khó khăn. Triển khai học bạ điện tử, nền tảng giáo dục trực tuyến.

**10.3. Chuyển đổi số trong Báo chí truyền thông:** nâng cấp hệ thống truyền thanh kỹ thuật số cho các xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố để đảm bảo thực hiện tốt công tác tuyên truyền đến từng người dân đặc biệt tại các xã vùng sâu, vùng xa trung tâm và hải đảo.

**10.4.** Triển khai bộ tiêu chí về văn hóa số của người Hải Phòng văn minh, lịch sự trên môi trường số.

*(Các nhiệm vụ cụ thể kèm theo phụ lục gửi kèm)*

#### IV. GIẢI PHÁP

##### **1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp**

- Các Sở, ngành và Ủy ban nhân thành phố các quận, huyện, xã, phường, thị trấn triển khai ngay công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trong toàn thể đội ngũ cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý làm chuyên biến nhận thức và quyết tâm cao của các ngành, các cấp.

- Công tác tuyên truyền cần được tiến hành với quy mô sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng, kết hợp với việc tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố gắn với từng giai đoạn, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như những yếu tố tiềm năng, lợi thế, vị thế của Thành phố để tiếp tục tạo ra sự bứt phá mới của thành phố Hải Phòng trong những năm tới.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội trong công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Tổ chức tuyên truyền về chuyển đổi số, ứng dụng số, kỹ năng số cho người dân trên các nền tảng truyền thông của thành phố.

##### **2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp**

Bao gồm các hoạt động như: phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số;...

##### **3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ**

Bao gồm các hoạt động như nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...



#### **4. Thu hút nguồn lực CNTT**

Bao gồm các hoạt động nhằm thu hút, đa dạng hóa nguồn lực (tài chính và nhân lực) để chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

Nguồn lực được coi là giải pháp quan trọng, cốt lõi để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số nhằm thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số của quốc gia. Do đó, bộ, ngành, địa phương cần ưu tiên, có phải pháp cụ thể bảo đảm nguồn lực, nhất là tài chính để thực hiện thành công mục tiêu kế hoạch.

#### **5. Tăng cường hợp tác quốc tế**

Bao gồm các hoạt động hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số Việt Nam;...).

### **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Ngân sách thành phố bảo đảm kinh phí cho các việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số cho các ứng dụng dùng chung của thành phố.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện chủ động bố trí kinh phí để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương, phù hợp chủ trương, định hướng của thành phố.

3. Huy động nguồn lực của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch.

### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố**

Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2024. Định hướng triển khai các nhiệm vụ trên địa bàn thành phố, thực hiện phát triển Chuyển đổi số, đô thị thông minh và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn thành phố.

#### **2. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Chủ trì, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với các cấp, các ngành thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số, đô thị thông minh và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan:

+ Thẩm định các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố từ nguồn vốn chi thường xuyên.

+ Đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hướng dẫn về trình

tự, thủ tục, thành phần hồ sơ khi trình thẩm định các nhiệm vụ chuyển đổi số; hoàn thành trong tháng 02/2024.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cùng các sở, ngành liên quan đề xuất ủy ban nhân dân thành phố bố trí kế hoạch vốn đầu tư công cho các dự án ứng dụng công nghệ thông tin triển khai Chuyển đổi số thành phố đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công đảm bảo đúng tiến độ.

### **4. Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách thành phố.

### **5. Sở Nội vụ**

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước thành phố. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước trong thành phố.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo phụ trách công nghệ thông tin các cấp; xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức về công nghệ thông tin và khai thác thông tin trên Internet cho các cán bộ, công chức, viên chức của thành phố.

- Chủ trì xây dựng quy định về thi đua khen thưởng: Đưa kết quả triển khai ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước là một trong những tiêu chí xét thi đua hàng năm.

### **6. Các Sở, ban, ngành thành phố, ủy ban nhân dân các quận, huyện**

- Chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số thành phố, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đã đặt ra. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, đơn vị, địa phương, xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số cho đơn vị, địa phương mình, hoàn thành trong quý I/2024.

- Triển khai hiệu quả hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng và Tổ công tác đề án 06/CP tại đơn vị, địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội. Hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; biết mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng; biết thanh toán không dùng tiền mặt; biết sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống (*y tế, giáo dục, liên lạc, đi lại, du lịch, đọc sách, giải trí,...*); biết áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị; Triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ. Đối với các nhiệm vụ phải lập dự án, giao các cơ quan chủ trì nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo ủy ban nhân dân thành phố trong quý II/2024 và thực hiện các thủ tục về đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Vận hành, khai thác hiệu quả hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành của thành phố và các cơ quan, đơn vị.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp) xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ TTTT (để b/c);
- TTTU, TTHĐTTP;
- CT, các PCT UBNDTP;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các quận, huyện;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng, đơn vị: KSTTHC, TCNS, NC&KTGS, Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, KSTTHC6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Minh Cường**

**Phụ lục I**  
**CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUYÊN ĐỔI SỐ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2024**  
*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian		Phân công trách nhiệm		Đầu mối hỗ trợ
		Bắt đầu	Hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
<b>I</b>	<b>THỂ CHẾ SỐ</b>					
1.	Ban hành chính sách cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Quý I	Quý I	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp	Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ TTTT
2.	Ban hành chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số	Quý I	Quý I	Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp;	Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ TTTT
3.	Ban hành chính sách chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.	Quý I	Quý I	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông, Ban quản lý Khu kinh tế	Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ TTTT
4.	Ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số	Quý I	Quý I	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, Sở Tài chính	Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ TTTT

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian		Phân công trách nhiệm		Đầu mối hỗ trợ
		Bắt đầu	Hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
5.	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1198/QĐ- TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử; tập trung rà soát, sửa đổi chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương, đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử và gửi kết quả về Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp	Tháng 1	Tháng 5	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp	Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ TTTT
6.	Định kỳ sơ kết tình hình thực hiện nghị quyết chuyên đề của cấp uỷ, kế hoạch hành động của cấp chính quyền	Tháng 1	Tháng 11	Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp	Sở Thông tin và Truyền thông	Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ TTTT
<b>II</b>	<b>HẠ TẦNG SỐ</b>					
1.	Rà soát, xóa các vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động: Chỉ đạo, tổ chức đo và lập danh sách các điểm, khu vực mà mạng viễn thông di động chưa đạt 40 Mbps, tổ chức họp với các doanh nghiệp viễn thông yêu cầu bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động, phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông trong trường hợp không giải quyết được để có giải pháp xử lý.	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Cục Viễn thông, Bộ TTTT
2.	Triển khai thương mại hoá 5G: Ban hành quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động, hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông triển khai hạ tầng 5G.	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, doanh nghiệp viễn thông	Cục Viễn thông, Bộ TTTT

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian		Phân công trách nhiệm		Đầu mối hỗ trợ
		Bắt đầu	Hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
3.	Mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh: Tổ chức thực hiện từng bước theo một lộ trình cụ thể. Trước tiên, mỗi hộ gia đình có một thiết bị thông minh, sau đó, mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh. Đối với các gia đình thuộc đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo mà chưa có thì đề xuất sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam. Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để triển khai. Trong trường hợp số hộ nghèo, hộ cận nghèo vượt quá số lượng mà Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam có thể hỗ trợ, địa phương kết hợp các nguồn lực khác của địa phương, kết hợp với doanh nghiệp viễn thông hoặc huy động các nguồn lực xã hội hoá để triển khai.	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy ban nhân dân các quận, huyện, doanh nghiệp viễn thông	Cục Viễn thông, Bộ TTTT
4.	Mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng: Làm việc với các doanh nghiệp viễn thông để phối hợp, có kế hoạch phát triển mạng viễn thông hiệu quả và bảo đảm tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạng viễn thông tại các khu vực khó khăn; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thống kê các khu vực khó khăn chưa kết nối cáp quang để xem xét, đăng ký sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để triển khai đường cáp quang đến từng thôn.	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy ban nhân dân các quận, huyện, doanh nghiệp viễn thông	Cục Viễn thông, Bộ TTTT
5.	Thúc đẩy phát triển hạ tầng IoT, tập trung vào nhiệm vụ triển khai nền tảng thiết bị IoT, trung bình mỗi người dân một SIM IoT: Làm việc với các doanh nghiệp viễn thông thống kê trên địa bàn, xác định bài toán của địa phương cần giải quyết về IoT.	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin và Truyền thông	Doanh nghiệp viễn thông	Cục Viễn thông, Bộ TTTT
6.	Thiết lập, khai thác hiệu quả trung tâm dữ liệu: Thiết lập, khai thác hiệu quả một trung tâm dữ liệu tập trung đạt tiêu chuẩn			Sở Thông tin và Truyền		Cục chuyên đổi số quốc

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian		Phân công trách nhiệm		Đầu mối hỗ trợ
		Bắt đầu	Hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
	quốc gia để phục vụ nhu cầu của địa phương.			thông		gia, Bộ TTTT
<b>III</b>	<b>NHÂN LỰC SỐ</b>					
1.	Triển khai đào tạo nhân lực số: Đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý phù hợp với thực tiễn địa phương	Quý I	Quý IV	Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông	Vụ Kinh tế số và Xã hội số
2.	Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức: Phê duyệt kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức, người lao động trước ngày 30 tháng 3 hàng năm; hoàn thành tổ chức triển khai trước ngày 30 tháng 11 hàng năm; ưu tiên hình thức bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến.	Tháng 1	Tháng 11	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp	Cục Chuyển đổi số quốc gia
3.	Triển khai tập huấn kỹ năng số cho người dân: Tiếp tục thiết lập, triển khai hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng. Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu gồm: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng. Ngoài ra, trong năm 2024, cần hướng dẫn thêm kỹ năng số cơ bản khác như sử dụng nền tảng số đặc thù của địa phương; một số lĩnh vực có thể xem xét tập trung gồm có: Nông nghiệp, Du lịch, Dệt may, Logistics, Y tế, Giáo dục.	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin và Truyền thông, Công an thành phố	UBND các cấp	Cục Chuyển đổi số quốc gia
<b>IV</b>	<b>NHẬN THỨC SỐ</b>					
1.	Triển khai thiết lập các kênh truyền thông (Cổng thông tin điện	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin	Các Sở, ban,	Cục Chuyển

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian		Phân công trách nhiệm		Đầu mối hỗ trợ
		Bắt đầu	Hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
	tử của chính quyền; báo, tạp chí điện tử, đài phát thanh, đài truyền hình, hệ thống truyền thông cơ sở của địa phương; mạng xã hội và các phương tiện truyền thông công cộng khác); phát hiện, tôn vinh, phổ biến các câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số thành công. Đây là việc làm mang tính thường xuyên, liên tục			và Truyền thông	ngành; UBND các cấp	đôi số quốc gia
<b>V</b>	<b>NỀN TẢNG SỐ CƠ BẢN</b>					
1.	Nền tảng Trợ lý ảo: Chủ động triển khai trợ lý ảo theo nhu cầu riêng, đặc thù của địa phương.	2024	2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp	Cục Chuyển đổi số quốc gia
2.	Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu: Lưu trữ dữ liệu tập trung trên quy mô toàn thành phố, bao gồm dữ liệu phi cấu trúc và dữ liệu có cấu trúc từ nhiều nguồn; từ đó tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu, trước hết là phục vụ kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu để phát triển Chính phủ số, sau đó là để xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.	2024	2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp	Cục Chuyển đổi số quốc gia
<b>VI</b>	<b>DỮ LIỆU SỐ</b>					
1.	Phát triển cơ sở dữ liệu: Phối hợp với các bộ, ngành trong triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, tránh trùng lặp trên quy mô quốc gia. Tổ chức triển khai xây dựng, đưa vào khai thác các cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 17/QĐ-UBQGČDS ngày 04/4/2023 của Thủ	2024	2025	Các Sở, ban, ngành;	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các cấp	Cục Chuyển đổi số quốc gia



Stt	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian		Phân công trách nhiệm		Đầu mối hỗ trợ
		Bắt đầu	Hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
	tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.					
2.	Cung cấp dữ liệu mở: Cung cấp dữ liệu mở phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu.  Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng kế hoạch tổng thể và phương án triển khai dữ liệu mở; Lựa chọn mở các loại dữ liệu có tác động lớn tới phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu, phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của địa phương (ví dụ thành phố có thể mạnh về du lịch, có thể xem xét tập trung thí điểm dữ liệu mở về du lịch). Đánh giá hiệu quả của Công dữ liệu mở cấp thành phố để phát triển ở giai đoạn tiếp theo.	Tháng 1	Tháng 6 (cung cấp lần đầu); Tháng 12	Các Sở, ban, ngành;	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các cấp	Cục Chuyên đổi số quốc gia
3.	Thiết lập Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp	Cục Chuyên đổi số quốc gia
<b>VII</b>	<b>AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG</b>					
1.	Triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin:  - Sử dụng hiệu quả Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và các nền tảng khác để đẩy nhanh quá trình xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ.  - Phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho 100% hệ thống thông tin của thành phố trước 30/6/2024. 100% hệ thống thông tin được	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin và Truyền thông, Công an thành phố	Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp	Cục An toàn thông tin

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian		Phân công trách nhiệm		Đầu mối hỗ trợ
		Bắt đầu	Hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
	<p>triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt trước 30/11/2024.</p> <p>- Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo quy định (tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2; tối thiểu 1 lần/1 năm cho hệ thống cấp độ 3, 4 và 1 lần/06 tháng cho hệ thống cấp độ 5).</p> <p>- Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến/năm, ưu tiên hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên.</p> <p>- 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.</p>					
<b>VIII</b>	<b>DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ</b>					
1.	Tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao trong Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam	Quý I	Quý IV	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế	Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở, ngành thành phố, UBND các quận, huyện	Cục Công nghiệp Công nghệ thông tin và Truyền thông
<b>IX</b>	<b>CHÍNH PHỦ SỐ</b>					
1.	<p>Nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến:</p> <p>- Rà soát, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình.</p> <p>- Ưu tiên thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với</p>	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND thành	Các sở, ngành thành phố, UBND các quận, huyện	Cục Chuyển đổi số quốc gia

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian		Phân công trách nhiệm		Đầu mối hỗ trợ
		Bắt đầu	Hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
	các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, nhiều người dùng. - Triển khai các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm kỹ thuật, kết nối với hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông (EMC).			phó		
2.	Giám sát, thống kê, báo cáo, kiểm tra trực tuyến: Triển khai giám sát, thống kê, báo cáo, kiểm tra trực tuyến, kết nối hệ thống thông tin của cơ quan quản lý với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập tự động dữ liệu theo quy định của pháp luật để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước.	Quý I	Quý IV	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành thành phố, UBND các quận, huyện	Cục Chuyên đổi số quốc gia
3.	Phát triển Kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp: Triển khai Kênh giao tiếp số hợp nhất kết nối giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp để mang lại trải nghiệm thuận tiện, nhất quán và xuyên suốt cho người dân, doanh nghiệp khi giao tiếp với chính quyền qua các hình thức khác nhau (ứng dụng di động, cổng thông tin điện tử, tổng đài, mạng xã hội). Kênh giao tiếp số hợp nhất là “điểm chạm” để người dân, doanh nghiệp tiếp cận với nhiều thông tin, dịch vụ số do chính quyền cung cấp, đồng thời giúp nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Trong trường hợp địa phương chưa sẵn sàng nguồn lực để triển khai thì có thể xem xét một trong các phương án nhanh chóng, miễn phí là xây dựng kênh giao tiếp số trên các nền tảng số phổ biến hiện nay như Zalo Mini App, giúp người dân, doanh nghiệp giao tiếp với chính quyền ngay trên ứng dụng Zalo mà không cần cài đặt thêm ứng dụng khác.	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành thành phố, UBND các quận, huyện	Cục Chuyên đổi số quốc gia

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian		Phân công trách nhiệm		Đầu mối hỗ trợ
		Bắt đầu	Hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
<b>X</b>	<b>KINH TẾ SỐ</b>					
1.	Đo lường kinh tế số: Chủ động đo lường kinh tế số của địa phương mình. Mục tiêu đến hết năm 2023, mỗi địa phương có năng lực đo lường kinh tế số ICT theo từng quý. Việc đo lường này sẽ là tiền đề để mỗi địa phương đề xuất giải pháp phù hợp phát triển kinh tế số.	Quý I	Quý IV	Cục Thống kê	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông	Vụ Kinh tế số và Xã hội số.
2.	Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực: Xác định các ngành, lĩnh vực cần phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển và điều kiện của từng địa phương, giải quyết vấn đề của địa phương và hướng tới giải quyết vấn đề của các vùng kinh tế - xã hội. Việc thúc đẩy, phát triển kinh tế số gắn với triển khai các nền tảng số quốc gia.	2024	2025	Các sở, ngành thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các cấp	Vụ Kinh tế số và Xã hội số
3.	Chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa: Thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố, thành phố biết để sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng công cụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp để thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.	Quý I	Quý IV	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông	Vụ Kinh tế số và Xã hội số.
<b>XI</b>	<b>XÃ HỘI SỐ</b>					
1.	Mỗi người dân có một danh tính số: - Tuyên truyền, thúc đẩy người dân thiết lập tài khoản VNeID, đặc biệt là định danh mức độ 2. - Lập danh sách các hệ thống thông tin phục vụ người dân; tích	Quý I	Quý IV	Công an thành phố, Sở Thông tin và Truyền	UBND các quận, huyện	Cục Chuyển đổi số quốc gia

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian		Phân công trách nhiệm		Đầu mối hỗ trợ
		Bắt đầu	Hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
	<p>hợp sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập, sử dụng dịch vụ số.</p> <p>- Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Công an để thúc đẩy công tác thiết lập và sử dụng tài khoản định danh VneID cho người dân</p>			thông		
2.	<p>Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số:</p> <p>- Phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tín dụng tiếp tục làm thẻ, ví điện tử cho người dân.</p> <p>- Đối với các vùng, miền tiếp cận khó tới dịch vụ ngân hàng, địa phương phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông để triển khai dịch vụ Mobile Money, phát triển điểm kinh doanh và đơn vị chấp nhận thanh toán để người dân có thể nạp, rút, chuyển tiền và thanh toán bằng tài khoản Mobile Money mà không cần có tài khoản ngân hàng.</p> <p>- Tuyên truyền, khuyến khích các cửa hàng, cửa hiệu, bệnh viện, trường học hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt.</p> <p>- Có các chính sách ưu đãi cho hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.</p> <p>- Triển khai các sáng kiến thúc đẩy thanh toán số không dùng tiền mặt như: làng số, xã số, khu phố không dùng tiền mặt, từ đó nhân rộng, lan tỏa kinh nghiệm.</p>	Quý I	Quý IV	Các sở, ngành thành phố, UBND các quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Cục Viễn Thông
3.	Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến:	Quý I	Quý II	Sở Thông tin và Truyền	Các Sở, ngành, Ủy	Cục Chuyển đổi số quốc

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian		Phân công trách nhiệm		Đầu mối hỗ trợ
		Bắt đầu	Hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích hợp hệ thống xác thực qua VNeID vào Cổng Dịch vụ công cấp thành phố, cho phép người dân sử dụng VNeID có thể sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp thành phố.</li> <li>- Phổ cập nhanh tài khoản định danh và xác thực điện tử, thông qua đó, phổ cập tài khoản dịch vụ công trực tuyến.</li> <li>- Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực triển khai đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.</li> <li>- Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình, trong đó lưu ý việc phổ cập tài khoản dịch vụ công trực tuyến;</li> </ul>			thông	ban nhân dân các cấp	gia
4.	<p>Mỗi người dân trưởng thành có một chữ ký số cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích hợp tính năng ký số vào Cổng Dịch vụ công cấp thành phố; khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động.</li> <li>- Ban hành các chính sách khuyến khích sử dụng chữ ký số. ví dụ, khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động.</li> <li>- Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân.</li> <li>- Phối hợp với Bộ Công an tích hợp chữ ký số trên ứng dụng</li> </ul>	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp	Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian		Phân công trách nhiệm		Đầu mối hỗ trợ
		Bắt đầu	Hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
	VNeID.					
5.	<p>Mỗi người dân được đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa phương triển khai phổ cập cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản. Việc bảo vệ này cơ bản không làm lộ lọt dữ liệu cá nhân; ngăn chặn được các website, thông tin mà người dân không mong muốn; bảo đảm người dân an toàn khi tham gia các hoạt động thanh toán trên môi trường số. Thời hạn hoàn thành: 2024 – 2025</li> <li>- Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng Công không gian mạng quốc gia tại địa chỉ khonggianmang.vn để cung cấp các nền tảng, công cụ và hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng ứng dụng an toàn, an ninh mạng cho người dân.</li> </ul>	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp	Cục An toàn thông tin
6.	<p>Phát triển trường học số: Địa phương triển khai thực hiện chuyển đổi số trong trường học các cấp thuộc phạm vi quản lý. Trước hết là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030". Thời hạn hoàn thành: 2024 - 2025.</p>	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp	Vụ Kinh tế số và Xã hội số
7.	<p>Phát triển bệnh viện số:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện</li> </ul>	Quý I	Quý IV	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	Vụ Kinh tế số và Xã hội số

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian		Phân công trách nhiệm		Đầu mối hỗ trợ
		Bắt đầu	Hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
	<p>chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.</p> <p>- Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp Bộ Y tế, Hội Tin học y tế thí điểm triển khai, công bố thí điểm phần mềm Quản lý bệnh viện (HIS) mã nguồn mở, các địa phương có thể tham khảo triển khai, sử dụng, nâng cấp, chỉnh sửa mà không phải trả chi phí phần mềm cho phù hợp với điều kiện thực tế của mình</p>					
8.	<p>Phát triển làng số: Làng số là một cộng đồng dân cư xây dựng trên nền tảng ngôi làng truyền thống, mà ở đó người dân sử dụng hạ tầng số, nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ, kỹ thuật số để phục vụ đời sống hàng ngày và thay đổi phương thức, hoạt động sản xuất, kinh doanh vượt khỏi phạm vi không gian làng, xã.</p> <p>- Địa phương tham khảo, phổ biến cho người dân tại các làng, xã, tổ dân phố tự chủ động triển khai làng số.</p> <p>- Bộ Thông tin và Truyền thông đã thiết lập Cổng Thông tin điện tử về làng số tại địa chỉ langso.dx.gov.vn, đã đăng tải và cập nhật thường xuyên các câu chuyện nhằm chia sẻ các kinh nghiệm hay, các thực tiễn tốt về sử dụng công nghệ số thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số tại các vùng, miền nông thôn</p>	Quý I	Quý IV	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các xã	Vụ Kinh tế số và Xã hội số
<b>XII</b>	<b>KHÔNG GIAN TRẢI NGHIỆM SẢN PHẨM, DỊCH VỤ</b>					



Stt	Nội dung nhiệm vụ	Thời gian		Phân công trách nhiệm		Đầu mối hỗ trợ
		Bắt đầu	Hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
	<b>CÔNG NGHỆ SỐ</b>					
1.	<p>- Địa phương thiết lập không gian trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn có thể dễ dàng tiếp cận, trực tiếp trải nghiệm thực tế; kết hợp với việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho các đối tượng liên quan thông qua việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Không gian này xem xét đặt tại đơn vị sự nghiệp của Sở Thông tin và Truyền thông, huy động nguồn lực xã hội hoá cùng tham gia, lưu ý bảo đảm thiết thực, hiệu quả, bền vững</p> <p>- Bộ Thông tin và Truyền thông giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ, nền tảng công nghệ số đã được đánh giá, lựa chọn và công bố phục vụ Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số tại địa chỉ: dx.gov.vn</p>	Quý I	Quý IV	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, uỷ ban nhân dân các quận, huyện	Cục chuyên đổi số quốc gia

**Phụ lục 2**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ THỰC HIỆN NĂM 2024**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 325/KH-UBND ngày 19 / 12 /2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

**A. CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THƯỜNG XUYÊN HÀNG NĂM (14 nhiệm vụ)**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Dự kiến phân bổ kinh phí năm 2024
<b>I</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>		<b>28.080</b>	<b>28.080</b>
1	Các nhiệm vụ sự nghiệp phát triển công nghệ thông tin	Năm 2024	18.000	18.000
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn thành phố theo công nghệ truyền thanh số năm 2024	Năm 2024	10.080	10.080
<b>II</b>	<b>Ban Tuyên giáo Thành ủy</b>		<b>1.645</b>	<b>593</b>
3	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin phần mềm giám sát, quản lý thông tin trên mạng Internet, mạng xã hội, báo chí trong và ngoài nước	Thuê dịch vụ 03 năm (2024-2026)	1.645	593
<b>III</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>		<b>28.894</b>	<b>8.251</b>
4	Triển khai đề án ký số ngành giáo dục đáp ứng yêu cầu số hóa sổ điểm điện tử, học bạ điện tử của ngành.	Thuê dịch vụ 03 năm (2023-2025)	12.900	4.105
5	Triển khai CSDL tuyển sinh đầu cấp ngành Giáo dục thành phố	Thuê dịch vụ 03 năm (2024-2026)	8.080	2.294
6	Triển khai hệ thống Cổng thông tin điện tử ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố (Cổng chính và 800 cổng thành phần, bảo đảm kết nối với Cổng thành phố)	Thuê dịch vụ 05 năm (2024-2028)	7.914	1.852

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Dự kiến phân bổ kinh phí năm 2024
<b>IV</b>	<b>Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố</b>		<b>9.146</b>	<b>2.915</b>
7	Tổng đài 1022	Thuê dịch vụ 03 năm (2023-2025)	5.696	1.901
8	Hệ thống thông tin báo cáo	Thuê dịch vụ 03 năm (2023-2025)	3.450	1.014
<b>V</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>		<b>2.845</b>	<b>707</b>
9	Xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng	Thuê dịch vụ 03 năm (2023-2025)	1.622	476
10	Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu các dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước thành phố hải phòng	Thuê dịch vụ 03 năm (2023-2025)	1.223	231
<b>VI</b>	<b>Sở Y tế</b>		<b>8.809</b>	<b>1.727</b>
11	Triển khai Hệ thống phần mềm Quản lý Y tế cơ sở	Thuê dịch vụ 05 năm (2023-2027)	8.809	1.727
<b>VII</b>	<b>Văn phòng ĐDBQH&amp;HĐND TP</b>		<b>14.453</b>	<b>2.270</b>
12	Kỳ họp số di động HĐND thành phố	Thuê dịch vụ 05 năm (gói phần mềm, 2022-2026)	9.417	753
13	Phần mềm kỳ họp số HĐND các quận, huyện	Thuê dịch vụ 03 năm (2023- 2026)	5.036	1.517
<b>VIII</b>	<b>Sở Giao Thông vận tải</b>		<b>118.206</b>	<b>3.696</b>

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Dự kiến phân bổ kinh phí năm 2024
14	Nâng cao năng lực trung tâm quản lý điều hành giao thông, đô thị thông minh.	Thuê dịch vụ 05 năm (2024-2028)	118.206	3.696
	<b>TỔNG</b>		<b>212.078</b>	<b>48.239</b>

**B. CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2023 SANG NĂM 2024 (39 nhiệm vụ)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Kinh phí đã sử dụng năm 2023	Chuyển nguồn từ 2023 sang 2024	Dự kiến phân bổ kinh phí năm 2024 (đợt 1)
<b>I</b>	<b>Báo Hải Phòng</b>		7.312	6.400		-
1	Xây dựng tòa soạn điện tử	2023-2024	7.312	6.400		-
<b>II</b>	<b>Sở Giao Thông vận tải</b>		17.925	329,7		10.336
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa	2023 - 2024	14.950	200		8.695
3	Xây dựng hệ thống kiểm soát giao thông công cộng năm 2022	2023 - 2024	2.578	105		1.429
4	Phát triển hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động vận tải tại các cảng, bến thủy nội địa.	2023-2024	397	24,7		212
<b>III</b>	<b>Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố</b>		6.631	4.150		1.246
5	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử thành phố.	2023-2024	1.902	758		764
6	Nâng cấp hạ tầng hệ thống thư điện tử công vụ thành phố	2023-2024	1.686	866		483
7	Mở rộng hệ thống quản lý văn bản, chỉ đạo điều hành HpNet-eOffice	2023-2024	832	766		-
8	Mua sắm thiết bị, phần mềm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố	2022-2024	2.211	1.760		-
<b>IV</b>	<b>Sở Tư pháp</b>		36.125	10.000		18.900
9	Đề án “Số hóa Sổ hộ tịch lịch sử của thành phố Hải Phòng”	2021-2024	26.938	10.000		11.550
10	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin công chứng	2023-2024	9.187	-		7.350
	<b>Sở Nội Vụ</b>		26.951	10.985	1.877	8.699
11	Số hóa tài liệu lịch sử giai đoạn 2	2023-2024	6.529	3.410		1.813

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Kinh phí đã sử dụng năm 2023	Chuyển nguồn từ 2023 sang 2024	Dự kiến phân bổ kinh phí năm 2024 (đợt 1)
12	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ	2023 - 2025	5.979	23	1.877	2.883
13	Đề án phần mềm lưu trữ hồ sơ	2022-2024	14.443	7.552		4.002
<b>V</b>	<b>Sở Du lịch</b>		<b>8.176</b>	<b>1.391</b>		<b>5.150</b>
14	Số hóa hình ảnh và thuyết minh tại một số điểm du lịch trên địa bàn thành phố	2023-2024	4.898	1.270		2.648
15	Nâng cấp Website quảng bá du lịch thành Cổng thông tin du lịch thông minh	2023-2024	3.278	121		2.501
<b>VI</b>	<b>Sở Công thương</b>		<b>20.535</b>	<b>1.195,6</b>		<b>15.232</b>
16	Số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu logistics thành phố Hải Phòng	2023-2024	14.336	700		10.769
17	Số hóa và quản lý cơ sở dữ liệu hệ thống lưới điện hiện trạng từ cấp điện áp 110kv trở lên trên địa bàn thành phố Hải Phòng	2023-2024	6.199	495,6		4.464
<b>VII</b>	<b>Sở Xây dựng</b>		<b>36.625</b>	<b>4.160</b>		<b>18.300</b>
18	Số hóa cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng sử dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng	2023-2024	9.994	1.868		4.300
19	Xây dựng cơ sở dữ liệu phòng quản lý xây dựng, phòng cấp phép xây dựng và phòng nhà ở và thị trường bất động sản	2023-2024	11.773	1.903		5.600
20	Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS, phục vụ phát triển đô thị thông minh	2023-2024	14.858	389		8.400
<b>VIII</b>	<b>Thanh tra thành phố</b>		<b>5.188</b>	-	<b>102,75</b>	<b>4.048</b>
21	Số hóa các kết luận thanh tra từ 2010 đến nay, xây dựng cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra trên địa bàn thành phố	2023-2024	5.188	-	102,75	4.048
<b>IX</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>		<b>14.361</b>	<b>5.066</b>		<b>6.423</b>

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Kinh phí đã sử dụng năm 2023	Chuyển nguồn từ 2023 sang 2024	Dự kiến phân bổ kinh phí năm 2024 (đợt 1)
22	Số hóa hồ sơ tài liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng	2023-2024	12.146	3.900		5.817
23	Chuyển đổi số trong tạo lập và quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ điều tra, giám sát đa dạng sinh học tại Khu DTSQ Cát Bà	2023-2024	2.215	1.166		606
<b>X</b>	<b>Huyện Cát Hải</b>		<b>15.000</b>	<b>150</b>	<b>4.850</b>	<b>7.000</b>
24	Thực hiện chuyển đổi số trong du lịch huyện Cát Hải (giai đoạn 2)	2023-2024	15.000	150	4.850	7.000
<b>XI</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>		<b>39.542</b>	<b>-</b>		<b>18.388</b>
25	Ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS và trí tuệ nhân tạo phục vụ quản lý không gian thành phố	2023-2026	29.770	-		10.570
26	Thuê dịch vụ hạ tầng điện toán đám mây phục vụ triển khai chính quyền số thành phố	2023-2024	9.772	-		7.818
<b>XII</b>	<b>Sở Ngoại vụ</b>		<b>1.892</b>	<b>10</b>		<b>1.504</b>
27	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu lĩnh vực đối ngoại	2023-2025	1.892	10		1.504
<b>XIII</b>	<b>Sở Y tế</b>		<b>26.486</b>	<b>92</b>		<b>19.303</b>
28	Nâng cấp hạ tầng CNTT tại các cơ sở khám chữa bệnh	2023-2025	24.353	-		18.000
29	Xây dựng hệ thống thông tin Quản lý An toàn thực phẩm	2023-2024	2.133	92		1.303
<b>XIV</b>	<b>Ban Tuyên giáo Thành ủy</b>		<b>2.177</b>	<b>1.500</b>		<b>242</b>
30	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu theo dõi thực hiện các Nghị quyết thuộc lĩnh vực khoa giáo	2023-2024	1.347	1.000		78
31	Nâng cấp cơ sở dữ liệu điện tử, số hoá lịch sử Đảng bộ Hải Phòng	2023-2024	830	500		164
<b>XV</b>	<b>Văn phòng Thành ủy</b>		<b>4.350</b>	<b>1.000</b>		<b>2.480</b>

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Kinh phí đã sử dụng năm 2023	Chuyển nguồn từ 2023 sang 2024	Dự kiến phân bổ kinh phí năm 2024 (đợt 1)
32	Triển khai số hoá tài liệu trong cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố (tại Kho Lưu trữ Thành ủy từ khóa VIII đến khoá XV)	2023-2024	2.500	1.000		1.000
33	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử Thành uỷ, xây dựng các cổng thành phần (trên mạng nội bộ, Internet)	2023-2024	1.850	-		1.480
<b>XVI</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>		<b>6.249</b>	<b>1.980</b>		<b>3.019</b>
34	Số hóa cơ sở dữ liệu ngành Kế hoạch và Đầu tư	2023-2024	5.649	1.500		3.019
35	Chỉnh lý, số hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	2023-2024	600	480		-
<b>XVII</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>881.369</b>	<b>81.145</b>	<b>64.830</b>	<b>132.397</b>
36	Hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường; hệ thống thông tin báo cáo về môi trường của thành phố Hải Phòng	2023-2025	8.526	-		3.000
37	Xây dựng, hoàn thiện CSDL nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 trên địa bàn thành phố Hải Phòng	2023-2024	24.246	10.000		9.397
38	Đề án Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và CSDL đất đai thành phố HP	2023-2026	848.597	71.145	64.830	120.000
<b>XVIII</b>	<b>Văn phòng ĐDBQH &amp; HĐND thành phố</b>		<b>1.836</b>	<b>66</b>		<b>1.403</b>
39	Xây dựng hệ thống phần mềm theo dõi, giám sát, triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố	2023-2024	1.836	66		1.403
	<b>TỔNG</b>		<b>1.158.731</b>	<b>129.620</b>	<b>71.660</b>	<b>274.069</b>



**C. NHIỆM VỤ CÁC SỞ NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, ĐOÀN THỂ ĐỀ XUẤT MỚI (24 nhiệm vụ)**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự kiến phân bổ kinh phí năm 2024 (đợt 1)	Tỷ lệ bố trí vốn
<b>I</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>		<b>214.000</b>	<b>2.480</b>	<b>1,2%</b>
1	Triển khai Trung tâm Giám sát điều hành thông minh (IOC) năm 2024	2024-2027	25.000	500	2,0%
2	Thuê hạ tầng CNTT triển khai dự án thực hiện một số nội dung để xây dựng Chính quyền số thành phố Hải Phòng	2024-2027	180.000	1.800	1,0%
3	Mua bản quyền phần mềm MS Office cho các cơ quan nhà nước thành phố (khoảng 4000 cán bộ, công chức)	2024	4.000	80	2,0%
4	Triển khai hệ thống thông tin nguồn	2024-2028	5.000	100	2,0%
<b>II</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>		<b>24.396</b>	<b>488</b>	<b>2,0%</b>
5	Triển khai phần mềm và hạ tầng kỹ thuật để vận hành cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	2024-2025	7.000	140	2,0%
6	Thuê phần mềm và hạ tầng để vận hành CSDL đất đai	2024-2025	17.396	348	2,0%
<b>III</b>	<b>Thành đoàn Hải Phòng</b>		<b>2.125</b>	<b>1.700</b>	<b>80,0%</b>
7	Triển khai bản đồ số "Thanh niên Hải Phòng vì một Việt Nam xanh"	2024	342	274	80,0%
8	Triển khai bản tin số "Thanh niên Hải Phòng khởi nghiệp"	2024-2025	604	483	80,0%
9	Xây dựng, phát hành các sản phẩm truyền thông trực tuyến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số; các kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số; các câu chuyện/bài học kinh nghiệm/mô hình chuyển đổi số thành công trên địa bàn thành phố, nâng cao năng lực số của thanh niên Hải Phòng	2024-2027	1.179	943	80,0%
<b>IV</b>	<b>Đại học Hải Phòng</b>		<b>10.885</b>	<b>218</b>	<b>2,0%</b>
10	Triển khai hệ thống quản trị đại học trường đại học Hải Phòng	2024-2025	10.885	218	2,0%
	<b>Cục Thống kê Hải Phòng</b>		<b>800</b>	<b>16</b>	<b>2,0%</b>

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự kiến phân bổ kinh phí năm 2024 (đợt 1)	Tỷ lệ bố trí vốn
11	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tổng hợp về doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) cá thể trên địa bàn thành phố	2024	800	16	2,0%
<b>V</b>	<b>Công an Hải Phòng</b>		<b>8.000</b>	<b>160</b>	<b>2,0%</b>
12	Xây dựng bản đồ số thành phố Hải Phòng phục vụ công tác Công an	2024-2025	8.000	160	2,0%
	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</b>		<b>12.500</b>	<b>250</b>	<b>2,0%</b>
13	Quản lý và chia sẻ cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng trên nền tảng hệ thống thông tin địa lý (GIS)	2024-2025	12.500	250	2,0%
<b>VI</b>	<b>Sở Y tế</b>		<b>291.375</b>	<b>2.914</b>	<b>1,0%</b>
14	Triển khai hệ thống Bệnh án điện tử	2023-2025	291.375	2.914	1,0%
<b>VII</b>	<b>Sở Lao động thương binh và xã hội</b>		<b>1.201</b>	<b>24</b>	<b>2,0%</b>
15	Xây dựng phần mềm Quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2024	1.201	24	2,0%
<b>VIII</b>	<b>Ban Quản lý Khu kinh tế</b>		<b>2.000</b>	<b>40</b>	<b>2,0%</b>
16	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu cho hệ thống quản trị và điều hành e-Heza	2024	2.000	40	2,0%
<b>IX</b>	<b>Sở Công thương</b>		<b>1.000</b>	<b>20</b>	<b>2,0%</b>
17	Chuyển đổi số liên ngành trong quản lý logistics thành phố Hải Phòng (Giai đoạn 1)	2024	1.000	20	2,0%
<b>X</b>	<b>Sở Văn hoá và Thể thao</b>		<b>30.600</b>	<b>1.158</b>	<b>3,8%</b>
18	Gắn mã QR lên biển tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng	2024	700	560	80,0%
19	Chuyển đổi số trong trưng bày và các hoạt động Bảo tàng Hải Phòng	2024-2025	29.900	598	2,0%
<b>XI</b>	<b>Sở Khoa học và công nghệ</b>		<b>12.500</b>	<b>250</b>	<b>2,0%</b>
20	Hệ thống quản lý và tra cứu tiêu chuẩn, đo lường chất lượng thành phố Hải Phòng	2024-2025	3.500	70	2,0%
21	Hệ thống giao dịch công nghệ, thiết bị thành phố Hải Phòng	2024-2025	9.000	180	2,0%

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự kiến phân bổ kinh phí năm 2024 (đợt 1)	Tỷ lệ bổ trí vốn
<b>XII</b>	<b>Báo Hải Phòng</b>		<b>10.000</b>	<b>200</b>	<b>2,0%</b>
22	Xây dựng tòa soạn điện tử giai đoạn 2	2024	10.000	200	2,0%
<b>XIII</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>		<b>8.708</b>	<b>174</b>	<b>2,0%</b>
23	Chính lý, số hóa cơ sở dữ liệu ngành Kế hoạch và Đầu tư	2024	7.754	155	2,0%
24	Chính lý, số hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	2024	954	19	2,0%
	<b>TỔNG</b>		<b>630.090</b>	<b>10.092</b>	<b>1,6%</b>

\* Căn cứ hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ tiếp tục cân đối, bổ trí kinh phí thực hiện.

**D. CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ SỬ DỤNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG (04 nhiệm vụ)***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Dự toán	Đã phân bổ, thực hiện	Dự kiến phân bổ kinh phí năm 2024
<b>I</b>	<b>Nhiệm vụ chuyển tiếp</b>					
1	Dự án thực hiện một số nội dung xây dựng Chính quyền số thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025.	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	129.000	32.598	66.300
2	Triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2025	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025	31.236	0	90
<b>II</b>	<b>Nhiệm vụ đề xuất mới</b>					
3	Dự án “Chuyển đổi số tại Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng giai đoạn 2024 - 2026”	Sở Thông tin và Truyền thông	2024 - 2026	60.000	-	-
4	Xây dựng trung tâm thí nghiệm ảo thông minh ứng dụng công nghệ 4.0 phục vụ đào tạo nhân lực các ngành kỹ thuật	Đại học Hải Phòng	2024	26.688	-	-
	<b>TỔNG</b>			<b>246.924</b>	<b>32.598</b>	<b>66.390</b>



**E. TỔNG HỢP CÁC NHÓM NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Tên nhóm nhiệm vụ	Dự toán được duyệt	Nhu cầu kinh phí	Dự kiến phân bổ kinh phí năm 2024	Ghi chú
1	A	212.078		48.239	
2	B	1.158.731		274.069	
3	C		630.090	10.092	
4	D	246.924		66.390	
	<b>A + B + C + D</b>	<b>1.617.733</b>	<b>630.090</b>	<b>398.790</b>	